TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2022/DS-ST
Ngày: 31/8/2022.
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thẩm phán
- *Các hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Quốc Tiến
2. Bà Chung Kim Sang
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Ngọc Tú – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa*: Bà Đoàn Thị Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2019/TLST- DS ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Ph**, sinh năm: 1942
Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm: 1946

Địa chỉ: số 376 tổ 5, ấp Tà Keo Ngọn, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Sơn Hải Nam**, sinh năm: 1996

Địa chỉ: số 72 khu phố 3, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền ngày 24-6-2019.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Dương Tấn Lộc, thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang.

-Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm: 1951
Ông **Đoàn Hữu Thọ E**, sinh năm: 1982
Bà **Nguyễn Thị Thúy K**, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Số 374 tổ 5, ấp Tà Keo Ngọn, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Đoàn Phương Đại**, sinh năm: 1971

Địa chỉ: Số 374 tổ 5, ấp Tà Keo Ngọn, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

+ Ông **Đoàn Thành Lục**

Địa chỉ: Khu phố 8, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ Ông **Đoàn Hữu Thọ Anh**

Địa chỉ: ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

+ Bà **Đoàn Thị Kim Hồng**

Địa chỉ: ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

+ Bà **Đoàn Thị Kim Thanh**

Địa chỉ: ấp Thạnh Phong, xã Đông Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

+ Bà **Đoàn Thị Nga**

Địa chỉ: số 374 ấp Tà Keo Ngọn, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

(ông Nam, luật sư Lộc, bà Đ, ông Thọ E, bà K có mặt tại phiên tòa; ông Lục, ông Thọ Anh, bà Hồng, bà Thanh, bà Nga có đơn xin vắng mặt; ông Đại Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Ph bà Nguyễn Thị X trình bày:**

Chúng tôi có phần đất thổ cư diện tích khoảng 1.700m^2 tọa lạc tại ấp Tà Keo Ngọn, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Nguồn gốc phần đất nêu trên do ông bà của chúng tôi khai phá để lại, chúng tôi đã sử dụng ổn Đ và liên tục phần đất này.

Vào khoảng trước năm 1982, gia đình bà Nguyễn Thị Đ từ nơi khác đến địa phương sinh sống, khi đến đây gia đình bà Đ không có nơi ở, phải ở nhờ trên đất của rất nhiều người. Đến năm 1982, gia đình bà Đ bị chủ đất đuổi đi, không cho ở nhờ nữa, lúc này ông Bảo (chồng bà Đ) mới xin được cất nhà ở nhờ trên đất của chúng tôi để ổn Đ cuộc sống. Trước hoàn cảnh khó khăn của gia đình bà Đ, chúng tôi mới cho gia đình bà Đ cất nhà ở nhờ trên phần đất của chúng tôi chiều ngang 10m x dài 12m = diện tích 120m^2 (phần đất giáp ranh với đất của bà Nguyễn Thị Hương). Đến năm 1985 ông Đoàn Thái Bảo chết, gia đình bà Đ vẫn tiếp tục ở nhờ trên đất của tôi. Sự việc được người dân cố cụ tại địa phương đều biết.

Thời điểm chúng tôi cho ông Đoàn Thái Bảo cất nhà ở đất có nền bằng phẳng, diện tích cụ thể chúng tôi không nhớ. Cặp bên nền nhà là có 01 cái mương nước rộng khoảng 02m giáp ranh với đất bà Hương. Ông Bảo bà Đ tự ý đổ đất lấp mương làm

nhà, thời điểm lấp chúng tôi không biết. Thời điểm bà Đ cất nhà chúng tôi biết nhưng qua hỏi và cho bị đơn cất ở nhờ.

Hiện nay gia đình bà Đ muốn bao chiếm phần đất của chúng tôi mà gia đình bà Đ ở nhờ và đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng hai bên xẩy ra xích mích nên nay chúng tôi yêu cầu bà Đ ông Thọ E, bà Thúy K di dời trả lại đất diện tích ngang 10m x dài 12m = 120m^2 tọa lạc tại 374 tổ 5, ấp Tà Keo, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ông Ph bà X yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ, ông Đoàn Hữu Thọ E, bà Nguyễn Thị Thúy K di dời nhà trả lại diện tích đất theo kết quả đo đạc của Tòa án là 201,1m^2 chiều ngang giáp lộ đan 16,30m; ngang hậu sau giáp đất ông Nguyễn Văn Ph là 16,30m; chiều dài giáp đất bà Nguyễn Thị Kim Hương là 16,20m; chiều dài giáp đất ông Nguyễn Văn Ph là 12m tọa lạc tại 374 tổ 5, ấp Tà Keo, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa ông Sơn Hải Nam đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến:

Yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ, ông Đoàn Hữu Thọ E, bà Nguyễn Thị Thúy K di dời nhà trả lại diện tích đất theo kết quả đo đạc của Tòa án là 201,1m^2 chiều ngang giáp lộ đan 16,30m; ngang hậu sau giáp đất ông Nguyễn Văn Ph là 13,60m; chiều dài giáp đất bà Nguyễn Thị Kim Hương là 16,20m; chiều dài giáp đất ông Nguyễn Văn Ph là 12m tọa lạc tại 374 tổ 5, ấp Tà Keo, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Ông Ph bà X sẽ trả phần giá trị nhà và mái che tạm trên đất theo kết quả Đ giá là 55.716.000 đồng. Phần đất bị đơn tự bồi đắp thì nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ 20.000.000 đồng để bị đơn dời đi. Nguyên đơn yêu cầu đòi đất theo diện tích đo đạc của Tòa án chứ không xác Đ được cụ thể diện tích đất lúc cho ở nhờ.

Đối với phần mộ của ông Đoàn Thái Bảo thì nguyên đơn đồng ý giữ nguyên và giữ hiện trạng cho bị đơn được sử dụng diện tích đất ngang 01m x dài từ mí lộ vào tới mộ để làm đường đi vào mộ. Đối với phần nhà đất bà Đ, ông Thọ E, bà K cất dưới mé sông, nguyên đơn không tranh chấp vì phần đất này thuộc quản lý của Nhà nước không phải là của nguyên đơn.

Nguyên đơn rút yêu cầu giám Đ chữ ký trong Biên bản xác Đ ranh giới đất do không có mẫu chữ ký so sánh và do không có khả năng nộp tạm ứng chi phí giám Đ.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến tranh luận**:

Việc nguyên đơn cho bị đơn ở nhờ là có thực. Bị đơn đưa ra Giấy xác nhận của UBND xã Phi Thông là không có chữ ký của ông Ph bà X, nội dung xác nhận thể hiện chưa có việc mua bán.

***Bị đơn là Bà Nguyễn Thị Đ, ông Đoàn Hữu Thọ E, bà Nguyễn Thị Thúy K trình bày**:

Diện tích đất hiện nay gia đình chúng tôi đang sử dụng mà ông Ph bà X tranh chấp có nguồn gốc như sau: Vào năm 1982 ông Đoàn Thái Bảo có mua diện tích đất ngang 09m x dài 14m và sử dụng cất nhà ở từ đó đến nay. Diện tích đất này được mua từ ông Ph bà X bằng 10 dạ lúa, ông Bảo bà Đ trả làm 02 lần. Hai bên nền nhà là có 01 hầm (đìa nước) của một phần thuộc ông Nguyễn Văn Ph và một phần của bà Nguyễn Kim Hương cho (khoảng 1m), đìa ngang 2-3m dài từ lộ vô khoảng 16,2m. Ông Ph cho ½ cái đìa và bà Hương cho ½ cái đìa, sau này xáng múc đất làm lộ nên lấp luôn đìa và gia đình bà cất nhà lên ở. Thời điểm mua hai bên không đo đạc chính xác, quá trình ở chúng tôi có bồi lấp đất và kê khai sử dụng từ đó đến nay hiện trạng như Biên bản xE xét, thẩm Đ tại chỗ của Tòa án. Việc mua đất ông Bảo có xin xác nhận của lãnh đạo ấp và lãnh đạo ủy ban nhân dân xã Phi Thông vào năm 1995. Ông Phạm Văn Hiếu, thời điểm năm 1995 là trưởng ban ấp Tà Keo, hiện nay đã già và bị tai biến nên không còn khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Bà Đ, ông Thọ E có ý kiến: Không chấp nhận trả lại đất theo yêu cầu của nguyên đơn vì đất này chúng tôi đã sử dụng ổn Đ từ trước đến nay.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Đ và ông Đoàn Hữu Thọ E có ý kiến:

Không chấp nhận trả lại đất theo yêu cầu của nguyên đơn vì đất này gia đình bà đã sử dụng ổn Đ từ trước đến nay.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Đoàn Phương Đại, bà Nguyễn Thị Thúy K thống nhất ý kiến với tình bày của ông Thọ E và bà Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Hữu Thọ Anh, Đoàn Thị Kim Hồng, bà Đoàn Thị Kim Thanh, bà Đoàn Thị Nga, ông Đoàn Thành Lục có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và có ý kiến thống nhất theo trình bày của bà Nguyễn Thị Đ.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm**:*

Về tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy Đ. Riêng Thẩm phán có vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử cần rút kinh nghiệm. Các đương sự cũng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy Đ của pháp luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Phần đất tranh chấp phía nguyên đơn không kê khai, không đóng thuế qua cả quá trình dài. Bị đơn đã sử dụng ổn Đ, lâu dài, có kê khai, có đóng thuế. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; đất tranh chấp tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và đã qua hòa giải tại cơ sở nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo các Điều 26; Điều 35; Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử cho ông Đoàn Hữu Thọ Anh, Đoàn Thị Kim Hồng, bà Đoàn Thị Kim Thanh, bà Đoàn Thị Nga, ông Đoàn Thành Lục. Tuy nhiên, ông Đoàn Hữu Thọ Anh, Đoàn Thị Kim Hồng, bà Đoàn Thị Kim Thanh, bà Đoàn Thị Nga, ông Đoàn Thành Lục có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết Đ xét xử vắng mặt ông Đoàn Hữu Thọ Anh, Đoàn Thị Kim Hồng, bà Đoàn Thị Kim Thanh, bà Đoàn Thị Nga, ông Đoàn Thành Lục.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ph bà Nguyễn Thị X với bà Nguyễn Thị Đ ông Đoàn Hữu Thọ E , bà Nguyễn Thị Thúy K là "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Xét đối tượng tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là diện tích đất 201,1m^2 chiều ngang giáp lộ đan 16,30m; ngang hậu sau giáp đất ông Nguyễn Văn Ph là 13,60m; chiều dài giáp đất bà Nguyễn Thị Kim Hương là 16,20m; chiều dài giáp đất ông Nguyễn Văn Ph là 12m tọa lạc tại 374 tổ 5, ấp Tà Keo, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Về thực tế do bị đơn sử dụng từ năm 1982 đến nay. Về pháp lý hiện đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng có đăng ký kê khai trên sổ mục kê của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá đứng tên ông Đoàn Thái Bảo (chồng bà Nguyễn Thị Đ).

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: diện tích đất tranh chấp 201,1m^2 tọa lạc tại 374 tổ 5, ấp Tà Keo, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang về nguồn gốc một phần (ngang khoảng 10m x dài 12m) nguyên đơn và bị đơn cũng như một số người làm chứng xác nhận trước đây là của ông Nguyễn Văn Ph nhưng nguyên đơn cho rằng bị đơn ở nhờ trên đất, còn bị đơn cho rằng đã mua bán với nhau. Nguyên đơn khai tại Tòa là lúc cho bị đơn ở nhờ không có đo đạc mà chỉ đến phần mí mương (hiện không còn), diện tích cho ở nhờ nguyên đơn không xác Đ chính xác. Bị đơn xác Đ phần đất mua của nguyên đơn trước đây tính từ khoảng đất trống cặp bờ sông vô chừng 14m, ngang tầm 09m, phía trước còn khoảng đất trống vì sát mé sông cây mọc um tùm khoảng tầm 3-4m. So với kết quả đo đạc của Tòa án thì hiện tại diện tích đất bị đơn sử dụng lớn hơn, do quá trình sử dụng trước đây bị đơn

có lấp con mương và đìa để sử dụng. Tại Biên bản xE xét, thẩm Đ tại chỗ của Tòa án thì bà Nguyễn Kim Hương hộ kế cận đã chỉ ranh và không có tranh chấp ranh đất đối với bị đơn nên Hội đồng xét xử xác Đ diện tích thực tế bị đơn đang sử dụng là 201,1m^2.

Nguyên đơn cho rằng, phần đất tranh chấp là của nguyên đơn cho ở nhờ nhưng về thực tế không xác Đ được ngang dài cụ thể lúc cho ở nhờ là bao nhiêu, cũng không xuất trình được chứng cứ cụ thể nào chứng minh có việc cho ở nhờ. Những người làm chứng do nguyên đơn cung cấp là ông Huỳnh Văn Mỹ, Nguyễn Văn Duyên, bà Nguyễn Kim Hương cũng không biết việc đất tranh chấp là do các bên mua bán với nhau hay là cho ở nhờ. Trong quá trình từ năm 1982 đến nay nguyên đơn sống kế cận với bị đơn nhưng vẫn không có thực hiện quyền đăng ký kê khai đất mặc dù hàng năm đều có thống kê của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và nguyên đơn cũng không thực hiện nghĩa vụ đóng thuế sử dụng đất. Nguyên đơn cho rằng, có nộp thuế và có cung cấp 01 biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2013 (bút lục 157) nhưng không nộp kèm được thông báo nộp thuế nhà đất của Chi cục thuế đối với phần đất mình nộp, 01 Biên lai thu tiền đóng góp tự nguyện xây dựng cơ sở hạ tầng, không thể hiện việc đóng thuế đất. Hơn nữa, phần đất tranh chấp trong sổ địa chính, sổ mục kê không có tên nguyên đơn nên cũng không có cơ sở để cho rằng nguyên đơn có đóng thuế đất cả phần đất đang trang chấp.

Qua xE xét các chứng cứ do bị đơn cung cấp thì thấy rằng, giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Phi Thông vào năm 1995, nội dung có thể hiện là ông Đoàn Thái Bảo sang nhượng đất của ông Nguyễn Văn Ph, có ký tên đóng dấu của đại diện ủy ban nhân dân xã Phi Thông. Năm 1995 ông Đoàn Thái Bảo đã thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, điều này được xác nhận của UBND thành phố Rạch Giá tại Công văn số 130/UBND-TNMT ngày 23/3/2020 có diện tích 350m^2 (thực tế 201,1m^2). Bị đơn còn cung cấp Thông báo nộp thuế nhà đất số 08/1038/TB-CCT ngày 23/3/2010. Theo Công văn số 810/CCt-KKPC ngày 07/4/2021 của Chi cục thuế thành phố Rạch Giá xác Đ diện tích tính thuế là 48m^2 địa chỉ thủa đất là 374 Tà Keo Ngọn, xã Phi Thông. Hơn nữa, trong suốt quá trình bị đơn sử dụng từ năm 1982 đến nay liên tục, có bồi đắp đất, làm nhà ổn Đ từ đó đến nay, hiện không còn nơi sinh sống nào khác. Từ những nhận Đ trên, căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 221, 236 Bộ luật dân sự; Điều 170 Luật đất đai, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ph bà Nguyễn Thị X.

- **Về chi phí Đ giá**: Căn cứ Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Nguyễn Văn Ph bà Nguyễn Thị X phải chịu chi phí Đ giá 2.000.000 đồng theo hóa đơn của Công ty TNHH Đ giá Thịnh Vượng, ông Ph bà X đã nộp ứng nên được khấu trừ xong.

- Về chi phí xE xét, thẩm Đ tại chổ: Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự ông Nguyễn Văn Ph bà Nguyễn Thị X phải nộp chi phí xE xét, thẩm Đ tại chổ 373.000 đồng theo Hóa đơn giá trị gia tang số 0002050 ngày 21/01/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Rạch Giá. Ông Ph bà X đã nộp tạm ứng nên được khấu trừ xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về lệ phí, án phí Tòa án,

Căn cứ khoản 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ông Nguyễn Văn Ph bà Nguyễn Thị X thuộc trường hợp được miễn tiền án phí. Do đó, ông Nguyễn Văn Ph bà Nguyễn Thị X không phải nộp tiền án phí trên yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Ông Nguyễn Văn Ph bà Nguyễn Thị X được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003972 ngày 17/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT Đ:

- Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 91, Điều 96, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 221, 236 Bộ luật dân sự; Điều 170 Luật đất đai.

- Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về lệ phí, án phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ph bà Nguyễn Thị X về việc đòi diện tích đất 201,1m^2 chiều ngang giáp lộ đan 16,30m; ngang hậu sau giáp đất ông Nguyễn Văn Ph là 13,60m; chiều dài giáp đất bà Nguyễn Thị Kim Hương là 16,20m; chiều dài giáp đất ông Nguyễn Văn Ph là 12m tọa lạc tại 374 tổ 5, ấp Tà Keo, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ ông Đoàn Hữu Thọ E, bà Nguyễn Thị Thúy K.

- Về chi phí Đ giá: Căn cứ Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Nguyễn Văn Ph bà Nguyễn Thị X phải chịu chi phí Đ giá 2.000.000 đồng theo hóa đơn của Công ty TNHH Đ giá Thịnh Vượng, ông Ph bà X đã nộp ứng nên được khấu trừ xong.

- Về chi phí xE xét, thẩm Đ tại chổ: Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự ông Nguyễn Văn Ph bà Nguyễn Thị X phải nộp chi phí xE xét, thẩm Đ tại chổ 373.000 đồng theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0002050 ngày 21/01/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Rạch Giá. Ông Ph bà X đã nộp tạm ứng nên được khấu trừ xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ông Nguyễn Văn Ph bà Nguyễn Thị X thuộc trường hợp được miễn tiền án phí. Do đó, ông Nguyễn Văn Ph bà Nguyễn Thị X không phải nộp tiền án phí trên yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Ông Nguyễn Văn Ph bà Nguyễn Thị X được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003972 ngày 17/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

* Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa được biết quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31-8-2022). Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày Tòa án tống đạt Bản án hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết Đ được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá;*
- *Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá;*
- *Các đương sự ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

* Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa được biết quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31-8-2022). Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày Tòa án tống đạt Bản án hợp lệ.

Biên bản nghị án kết thúc lúc 10 giờ 45 phút cùng ngày.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN | CHỦ TỌA PHIÊN TÒA